

BẢNG QUY ĐỔI DẶM LẤY THƯỞNG VÉ MÁY BAY

1. Số dặm khấu trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng từ 01/09/2024

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Hạng Phổ thông	Hạng Phổ thông đặc biệt	Hạng Thương gia
<u>Nội địa Việt Nam 1</u> (Các chặng bay có khoảng cách dưới 400 dặm)	Mùa thường	7.000	11.000	15.000
	Mùa cao điểm	10.000	15.000	18.000
<u>Nội địa Việt Nam 2</u> (Các chặng bay có khoảng cách từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	11.000	18.000	28.000
	Mùa cao điểm	15.000	23.000	33.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	12.000		23.000
	Mùa cao điểm	16.000		28.000
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	18.000		35.000
	Mùa cao điểm	24.000		42.000
Việt Nam – Indonesia/Malaysia/ Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	11.000		35.000
	Mùa cao điểm	20.000		42.000
Việt Nam – Trung Quốc/HongKong (Trung Quốc)/ Macao (Trung Quốc)	Mùa thường	18.000		45.000
	Mùa cao điểm	24.000		54.000
Việt Nam – Hàn Quốc/Đài Bắc/Cao Hùng	Mùa thường	20.000		60.000
	Mùa cao điểm	30.000		72.000
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	35.000	65.000	90.000
	Mùa cao điểm	50.000	85.000	105.000
Việt Nam – Ấn Độ	Mùa thường	25.000	40.000	60.000
	Mùa cao điểm	35.000	50.000	75.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	55.000	90.000	140.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	50.000	100.000	160.000
Việt Nam – Anh/Pháp/Đức	Mùa thường	45.000	85.000	160.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	200.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	55.000	110.000	200.000
	Mùa cao điểm	70.000	150.000	240.000
Đài Bắc – Mỹ/Canada	Mùa thường	55.000		
	Mùa cao điểm	65.000		

2. Số dặm khấu trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng trước 01/09/2024

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Hạng Phổ thông	Hạng Phổ thông đặc biệt	Hạng Thương gia
<u>Nội địa Việt Nam 1</u> (Các chặng bay có khoảng cách dưới 400 dặm)	Mùa thường	7.000	11.000	15.000
	Mùa cao điểm	10.000	15.000	18.000
<u>Nội địa Việt Nam 2</u> (Các chặng bay có khoảng cách từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	11.000	18.000	25.000
	Mùa cao điểm	15.000	23.000	30.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	12.000		23.000
	Mùa cao điểm	16.000		28.000
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	18.000		35.000
	Mùa cao điểm	24.000		42.000
Việt Nam – Indonesia/Malaysia/ Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	13.000		35.000
	Mùa cao điểm	20.000		42.000
Việt Nam – Trung Quốc/HongKong (Trung Quốc)/ Macao (Trung Quốc)	Mùa thường	18.000		45.000
	Mùa cao điểm	24.000		54.000
Việt Nam – Hàn Quốc/Đài Bắc/Cao Hùng	Mùa thường	22.000		60.000
	Mùa cao điểm	32.000		72.000
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	35.000	65.000	90.000
	Mùa cao điểm	50.000	85.000	105.000
Việt Nam – Ấn Độ	Mùa thường	30.000	45.000	75.000
	Mùa cao điểm	45.000	65.000	100.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	40.000	70.000	100.000
	Mùa cao điểm	55.000	90.000	120.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	50.000	100.000	160.000
Việt Nam – Anh/Pháp/Đức	Mùa thường	45.000	85.000	150.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	180.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	50.000	90.000	150.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	180.000
Đài Bắc – Mỹ/Canada		50.000		